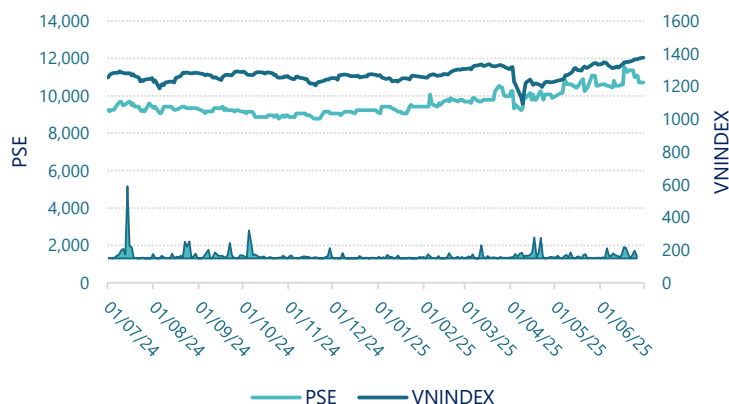


CTCP Phân bón và Hóa chất dầu khí Đông Nam Bộ (HNX: PSE)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,546
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,775
SL cổ phiếu LH	12,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,585
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	145
P/E	6.3
EPS	1,847

DT thuần

Q2/25

1,369

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 598 | 77.5%

YoY: ▲ 443 | 47.8%

LN sau thuế

Q2/25

9.24

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.83 | 110%

YoY: ▲ 4.81 | 109%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

0.8%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

6T 2025

2,139

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 569 | 36.2%

LN sau thuế

6T 2025

13.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.26 | 112%

ROE

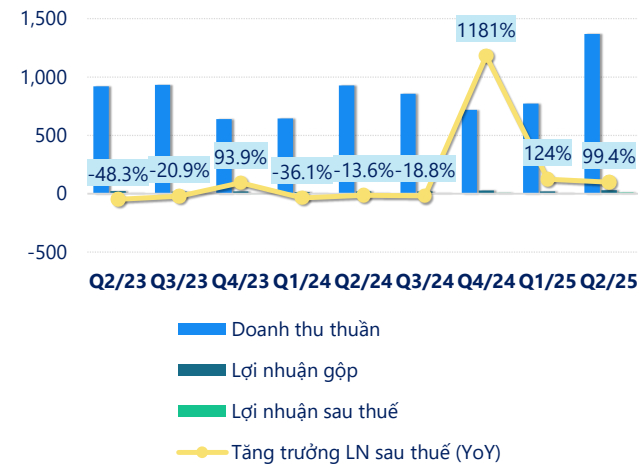
Q2/25

13.1%

+/- YoY: ▲ 8.7%

tỷ VNĐ

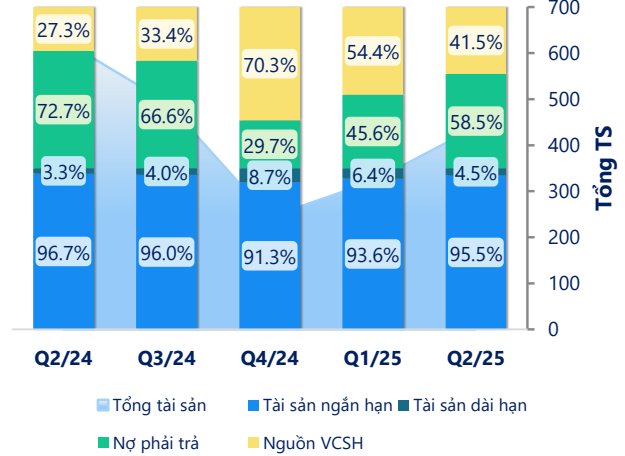
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

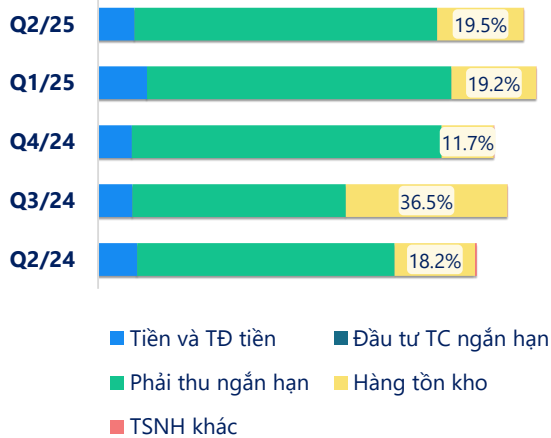
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



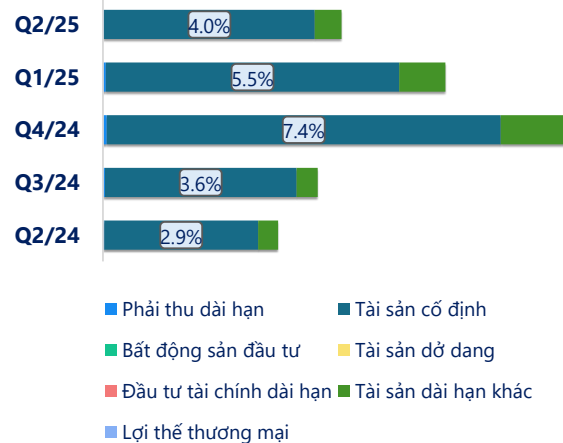
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

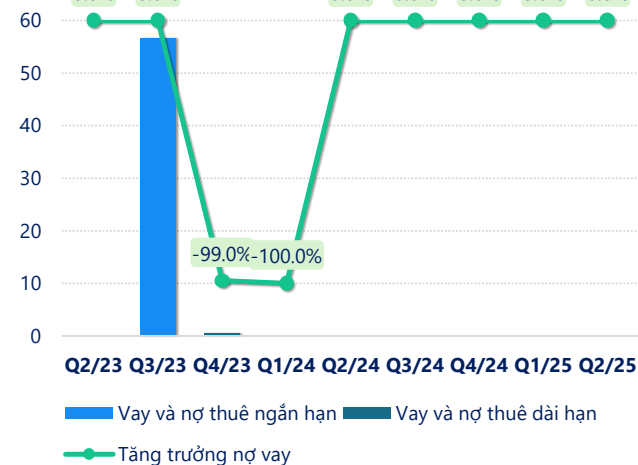
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

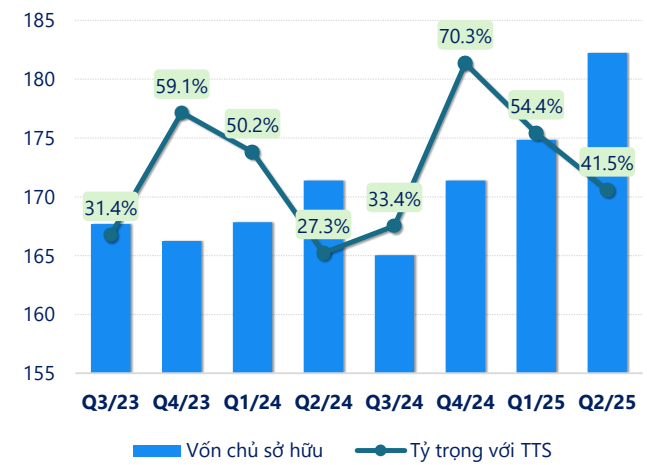
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

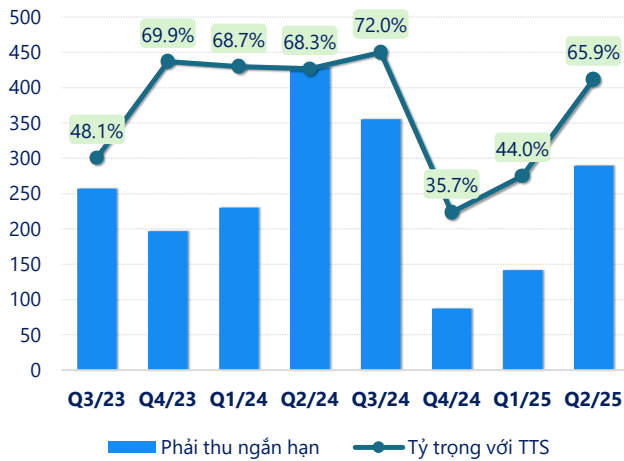
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



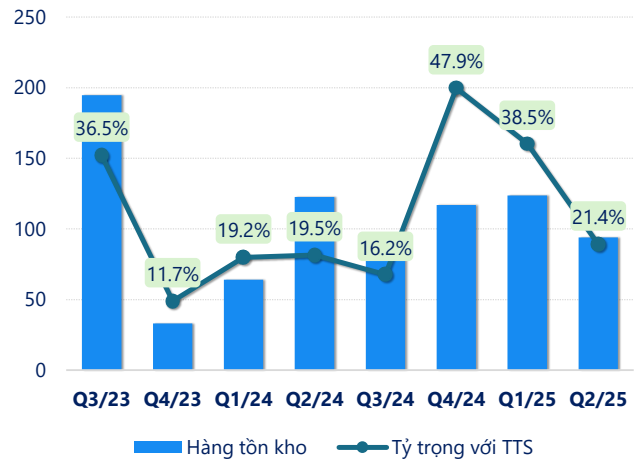
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


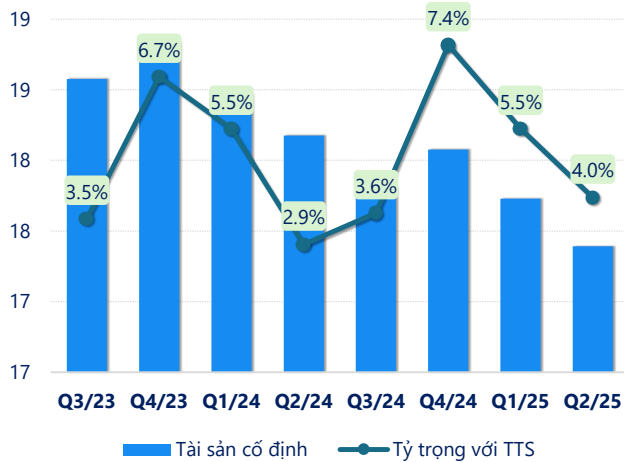
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


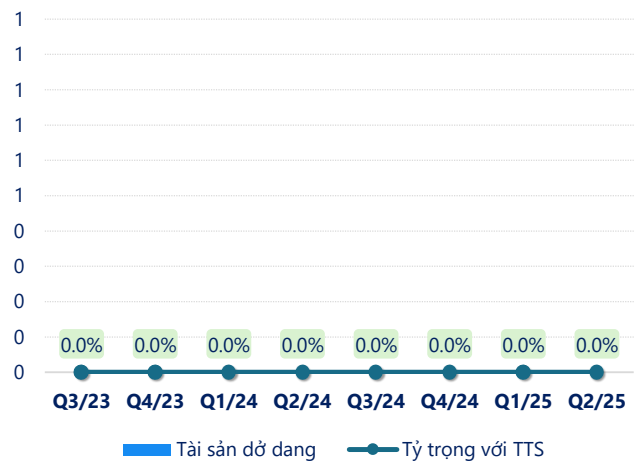
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

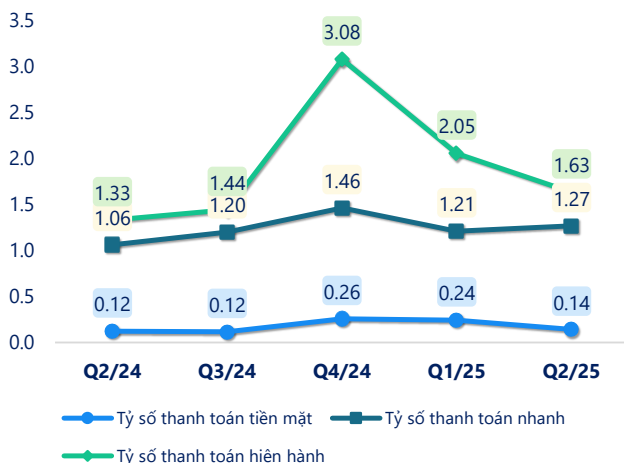
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	628	494	244	321	439
Tài sản ngắn hạn	607	474	223	301	420
Tiền và tương đương tiền	55.4	38.3	18.6	35.4	36.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	429	355	87.2	141	289
Hàng tồn kho	123	80.0	117	124	93.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.26	0.00	0	0.05	0.03
Tài sản dài hạn	20.7	19.9	21.2	20.7	19.7
Phải thu dài hạn	0.15	0.17	0.17	0.17	0.10
Tài sản cố định	18.2	17.8	18.1	17.7	17.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	2.35	1.96	2.97	2.78	2.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	456	329	72.5	146	257
Nợ ngắn hạn	456	328	72.3	146	257
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	178	116	41.5	23.8	151
Nợ dài hạn	0.16	0.12	0.14	0.14	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	171	165	171	175	182
Vốn chủ sở hữu	171	165	171	175	182
Vốn điều lệ	125	125	125	125	125
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)